

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ
Năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận ĐKKD ngày đầu thành lập số 0103015480 ngày 15/01/2007. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/11/2018 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 0102141313
- Vốn điều lệ: **155.000.000.000, VNĐ**
- Địa chỉ: **Xã Bản Liền – Huyện Bắc Hà – Tỉnh Lào Cai**
- Số điện thoại: **0203780702** Số fax: **0203780702**
- Mã cổ phiếu : **EBA**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 2007 Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Nà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2007 với vốn điều lệ đăng ký là 45 tỷ đồng. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. Đến năm 2008, các cổ đông sáng lập đã góp đủ 45 tỷ đồng vốn điều lệ đăng ký.

Năm 2009 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/05/2009 với vốn điều lệ đăng ký là 110 tỷ đồng. Công ty được cấp phép đầu tư Dự án Thủy điện Bắc Nà theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000144 do UBND tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/06/2009.

Năm 2011 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư toàn cầu DATC theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 (mã số cấp lại) do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 20/05/2011.

Năm 2015 Công ty hoàn thành phát hành tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng. Công ty thay đổi địa điểm trụ sở chính lên tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 8 ngày 16/09/2015.

Năm 2016 Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy ĐKKD số 0102141313 thay đổi lần 9 ngày 08/07/2016.

Năm 2017 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Điện Bắc Nà theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 18/04/2017.

Năm 2018 Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 155 tỷ đồng. Công ty được cấp phép đầu tư dự án thủy điện thứ 2 là Dự án Thủy điện Bắc Nà 1 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1326/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp.



Trong năm 2019, trên cơ sở nhu cầu chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông, Công ty đã chính thức có trên 100 cổ đông và đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán. Theo đó, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Công văn chấp thuận đại chúng số 4904/UBCK-GSDC ngày 13/08/2019. Đến ngày 11/09/2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) với mã chứng khoán là EBA và được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 41/2019/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký là 15.500.000 cổ phiếu.

b) **Thời điểm niêm yết** : Niêm yết ngày 31/12/2019 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

3. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

a) **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, thủy điện, thủy lợi, giao thông. Công trình điện trung, hạ áp và trạm biến thế đến 35KV.
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng
- Đại lý mua, bán ký gửi hàng hóa
- Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch

b) **Địa bàn kinh doanh:**

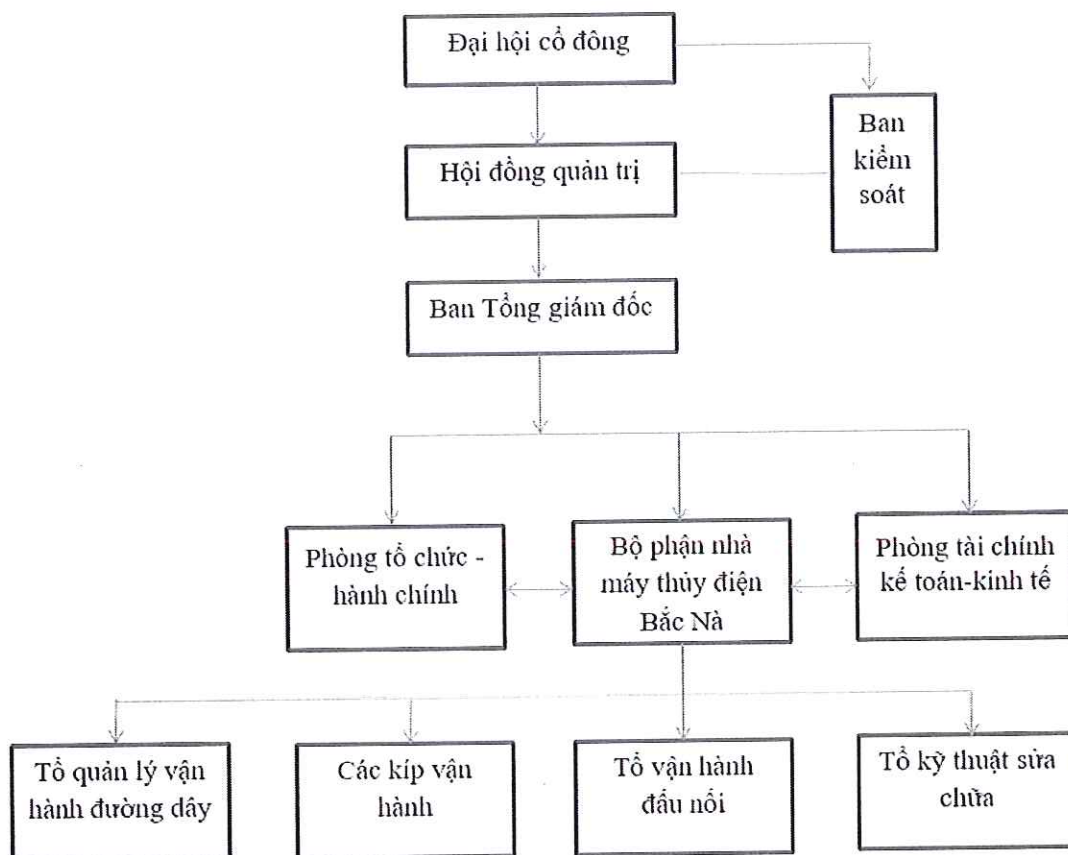
- Khu vực phía bắc: Thôn Nậm Thàng xã Bản liên Huyện Bắc Hà Tỉnh Lào Cai.

4. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- a) **Mô hình quản trị:** Công ty thực hiện việc quản trị theo đúng phân cấp được qui định trong điều lệ và các qui chế quản lý của Công ty đã ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp, văn bản pháp luật hiện hành đối với Công ty niêm yết và thực tế của đơn vị trên nguyên tắc các bộ phận thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, thống nhất và tuân thủ qui trình quản lý, cá nhân chịu trách nhiệm vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
- Đại hội cổ đông: Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đã được ban hành
 - Hội đồng quản trị: Thực hiện chức năng quản lý toàn bộ hoạt động SXKD, đầu tư và định hướng của Công ty. Hàng năm hội đồng quản trị chỉ đạo ban giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp triển khai nhiệm vụ SXKD và đầu tư để đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết của đại hội cổ đông đã được thông hàng năm, HĐQT ra các quyết định kịp thời chỉ đạo ban giám đốc tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo được các mục tiêu đề ra
 - Ban kiểm soát : Thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
 - Ban giám đốc: Đứng đầu là Tổng Giám đốc Công ty, điều hành và tổ chức hoạt động SXKD hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kiên nghị bộ máy tổ chức quản lý, ký kết các hợp đồng, công bố thông tin theo qui định phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 - Các phòng chức năng: Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định pháp luật

110
CỔ
CỔ
IÊN
CH

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



5. Định hướng phát triển :

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm tiếp theo:

Công ty cổ phần Điện Bắc Nà được thành lập nhằm mục đích đầu tư, quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Bắc Nà. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh mua bán điện. Căn cứ quy định pháp luật hiện nay, Nhà nước độc quyền trong lĩnh vực truyền tải và phân phối điện. Do đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất của nhà máy được Công ty xuất bán cho Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc theo Hợp đồng số 158/EVNNPC-B9 ngày 26/10/2015 (Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Bắc Nà) và Hợp đồng số 231/EVNNPC-KD ngày 15/05/2019 (Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Bắc Nà 1).

b) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Vì mục tiêu phát triển bền vững phù hợp với yêu cầu chung của toàn xã hội, Công ty cam kết hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội và bảo vệ cộng đồng, đảm bảo rằng những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tôn trọng các cam kết với đối tác trong việc tuân thủ hành động để bảo tồn và phát triển cộng đồng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

- Những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả thực hiện mục tiêu năm 2020:
 - Lượng mưa nhiều doanh thu phát điện tại Công ty cổ phần điện Bắc Nà tăng so với cùng kỳ năm trước.
 - Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí,... đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra

b) **Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2020:**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Tổng hợp		
			KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán điện	10 ⁶ đ	68.221	75.519	110%
2	Doanh thu khác	10 ⁶ đ	6.800	9.677	142%
3	Chi phí	10 ⁶ đ	64.775	66.141	102%
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	10.245	19.055	185%
5	Cổ tức dự kiến	10 ⁶ đ	6.6%	12.3 %	186%

- Doanh thu thực hiện đạt 75,519/68,221 tỷ đồng tương ứng 110% kế hoạch. Lượng mưa nhiều doanh thu phát điện tại Công ty cổ phần điện Bắc Nà tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020: Do lợi nhuận đạt 186% / kế hoạch. HĐQT đề nghị mức chia cổ tức năm 2020 là 12.3%

2. **Tổ chức và nhân sự**

a) **Danh sách Ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT	1962	Kỹ sư XD ngầm	0,097 %
2	Lê Văn Khánh	Tổng giám đốc	1980	Kỹ sư điện	0,177 %
3	Nguyễn Đình Nghĩa	Kế toán trưởng	1974	Cử nhân TC-KT	

b) **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

STT	Nội dung	Tổng số CBCNV			Ghi chú
		Gián tiếp	LĐ trực tiếp	Tổng cộng	
1	Cơ quan Công ty	03	21	24	

- Chính sách đối với người lao động:
 - Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Tiền lương được trả hàng tháng cho từng vị trí, cấp bậc, loại nhân viên, phục vụ dựa trên mức độ cống hiến, hiệu quả, mức độ hoàn thành công việc và tổng quỹ lương khoán theo qui mô
 - Đối với lao động trực tiếp: Công ty trả lương cho CBCNV theo qui chế trả lương khoán do Hội đồng quản trị công ty phê duyệt trên cơ sở sản phẩm hoàn thành.
 - Gắn trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm, ổn định việc làm cho người lao động. Nâng cao năng suất lao động, ý thức trách nhiệm tiết kiệm chi phí, hiệu quả trong công việc hướng tới chọn lựa các đối tượng thực sự có năng lực có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cho từng vị trí và đào thải những đối tượng không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong dây chuyền SX, thu hút và khuyến khích người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty

- Công ty luôn đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CBCNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Tại Công ty		
			KH	T.hiện	Tỷ lệ
1	Đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Bắc Nà 1	10 ⁶ đ	68.881	68.881	100%
	Tổng cộng		68.881	68.881	100%

✓ Dự án TĐ Bắc Nà 1 thuộc Công ty cổ phần điện Bắc Nà:

- DA đã đảm bảo đầy đủ các pháp lý và hoàn thành phát điện vào tháng 03/2020.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	474.742.178	455.653.006	95 %
2	Doanh thu thuần	10 ³ đ	61.958.260	84.139.948	135 %
3	LN từ hoạt động KD	10 ³ đ	7.931.921	19.505.685	245 %
4	Lợi nhuận khác	10 ³ đ	(2.286.164)	(450.219)	
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	5.645.757	19.055.466	337%
6	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ đ	5.645.757	19.055.466	337%
7	Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	3%	12%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	95%	96%	
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	5%	4%	
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	64%	59%	
-	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	36%	41%	
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán nhanh	0.4	0.4	
-	Khả năng thanh toán hiện hành	0.4	0.4	
4	Chỉ tiêu về hệ số sinh lời			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9.1%	22.6%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	3.3%	10.1%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.2%	4.2%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần được phép phát hành	15.500.000	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	15.500.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
2	Số lượng cổ phiếu quỹ		
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do		
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
3	Số lượng cổ phần đang lưu hành	15.500.000	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	15.500.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Loại cổ đông	Tổ chức		Cá nhân		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	15.024.150	96,93%	475.850	3,07%	15.500.000	100%
-	Cổ đông nhà nước						
-	Cổ đông lớn	15.024.150	96,93%			15.024.150	96,93%
-	Cổ đông khác			475.850	3,07%	475.850	3,07%
-	Cổ phiếu quỹ						
2	Cổ đông nước ngoài						
-	Cổ đông lớn						
-	Cổ đông khác						
	Cộng	15.024.150	96,93%	475.850	3,07%	15.500.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Các chứng khoán khác: Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Nhà máy thủy điện Không tạo ra hiệu ứng nhà kính.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính :

- Trồng cây xanh quanh hồ thủy điện, nhà máy, quanh đường ống dẫn nước.
- Giảm sử dụng điện chiếu sáng tại các nhà máy.
- Hạn chế phương tiện xe máy, tổ chức đi xe đạp, đi bộ.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không sử dụng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Sử dụng điện năng trực tiếp: 150000kW.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn nước sử dụng nguồn tự nhiên: Các sông suối đổ về.

- Lượng nước sử dụng: 82 triệu M3.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử : Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường :

- Không bị phạt

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

- Không vi phạm.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động: 24 người. Mức lương trung bình 15tr/Người/ Năm

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Khám sức khỏe định kỳ.

- Làm việc 8 h/ngày, không quá 48 tiếng/ 1tuần.

- Trang bị công cụ, bảo hộ lao động cho người lao động.

- Tập huấn an toàn lao động.

- Chế độ nghỉ dưỡng, nghỉ mát người lao động thực hiện đầy đủ.

- Thanh toán tiền lương, lễ tết đầy đủ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

+ Đào tạo an toàn điện 12h/người/năm.

+ Đào tạo an toàn lao động: 24 h/người/năm.

+ Đào tạo PCCC: 24h/người/năm.

+ Đào tạo bổ sung nâng cao tay nghề: 144h/năm. (tháng 1 lần/người- 12h)

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- + Cập nhật các công nghệ mới, áp dụng nâng cao tay nghề sửa chữa, tay nghề vận hành tại nhà máy thủy điện cho người lao động.
- + Hướng dẫn đọc các tài liệu liên quan đến thiết bị tại nhà máy.
- + Hướng dẫn công nhân, người lao động đọc các bản vẽ làm chủ được công nghệ Vận Hành.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/.

- Tài trợ đường điện nông thôn: 35/0,4kV-250kVA cấp điện cho các hộ dân lân cận nhà máy.
- Làm đường nông thôn.
- Cấp vật liệu cho các xã trên địa bàn của nhà máy.
- Tặng sách, vở cho học sinh dân bản.
- + Sửa chữa cầu đường đi lại cho nhân dân.
- + Tài trợ các hoạt động truyền thống trên địa bàn: Đua ngựa, bán pháo hoa.....

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

-Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Lượng mưa nhiều doanh thu phát điện tại Công ty cổ phần điện Bắc Nà tăng so với cùng kỳ năm trước. Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra.

+ Một số điểm đạt được trong năm:

- Mục tiêu đầu tư dự án thủy điện Bắc Nà 1 đảm bảo được tiến độ, hạng mục các công trình do thi công đều thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn quy phạm quy định, chưa có hạng mục nào phải phá đi làm lại, không để xảy ra các rủi ro tổn thất đáng kể nào. Đảm bảo đúng mục tiêu phát điện theo kế hoạch đề ra.
- Công tác thu hồi vốn đạt kế hoạch đã đảm bảo duy trì được nguồn vốn trong tổ chức SXKD, giảm cơ bản số dư nợ vay và chi phí tài chính so với năm trước
- Mức lợi nhuận vượt kế hoạch đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn và duy trì lợi ích của các cổ đông

1. Tình hình tài chính

- a) **Tình hình tài sản :** Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 tương đương với cùng kỳ năm trước tương ứng : 455/474 tỷ, xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:
 - Tổng các khoản phải thu ngắn hạn tăng 2.1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. số tiền ứng trước cho nhà thầu đang thi công sửa chữa dự án Thủy điện Bắc Nà và Tiền bán điện T12/2020.
 - Tài sản ngắn hạn khác giảm 7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản đầu tư tài chính giảm để trả nợ cho ngân hàng.
 - Tài sản cố định: Giá trị tài cố định tăng : 76 tỷ đồng. Tăng TSCĐ TĐ Bắc Nà 1.

b) **Tình hình nợ phải trả:** Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là: 267 tỷ đồng; Giảm : 38 tỷ đồng. Các khoản nợ trên đều có đầy đủ hồ sơ và đối chiếu nên không phát sinh khoản nợ xấu. Cụ thể như sau:

- Số dư nợ vay và nợ ngắn hạn : Giảm 15 tỷ đồng . Đã trả nợ được tiền của CBCNV để phục vụ nhu cầu SXKD. Công ty đảm bảo đủ nguồn để thực hiện chi trả đúng hạn
- Công nợ phải trả : 680 triệu đồng là khoản trả dịch vụ môi trường rừng quý 4/2020.
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 0.9 tỷ đồng chủ yếu là thuế tài nguyên nước tháng 12/2020, Công ty đã thực hiện chi trả vào ngày 20/01/2021.
- Khoản phải trả người lao động : 0.8 tỷ chủ yếu là tiền lương tháng 12/2020, tiền phép chưa chi trả trong năm 2020. Công ty hoàn thành việc chi trả trước 31/03/2021 theo qui định
- Khoản chi phí vay dài hạn : Giảm 22 tỷ đồng là khoản vay đã trả nợ Ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân HN.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về cơ cấu tổ chức : Mục tiêu của Công ty là thu gọn cấp quản lý trung gian nhằm giảm thiểu chi phí trung gian, bố trí lại một số lực lượng cán bộ quản lý phù hợp với qui mô hiện tại kiên quyết tinh giảm lực lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc
- Chính sách quản lý: Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình; thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý đảm bảo nguyên tắc minh bạch trong toàn Công ty; Xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành và tình hình thực tế của Công ty; cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để Ban lãnh đạo chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Cơ cấu lại ngành nghề : Tiếp tục duy trì ngành nghề đầu tư xây dựng và vận hành các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Chấp thuận với ý kiến và số liệu kiểm toán, cam kết về tính minh bạch về các số liệu báo cáo và các tài liệu cung cấp cho đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

- Ngay đầu năm Hội đồng quản trị họp bàn cùng với ban giám đốc nhằm phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021 trình Đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết đã được đại hội cổ đông thông qua năm 2020, HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chuyên môn thường xuyên kiểm tra thực tế chỉ đạo ban giám đốc bám sát nghị quyết để tổ chức triển khai.
- Định kỳ hàng quý HĐQT tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện trong quý đồng thời thống nhất các giải pháp trong kỳ tiếp theo và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời. Cùng xem xét thống nhất các nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD và đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ tập trung 04 lần và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản xem xét một số đề xuất do Tổng Giám đốc trình, thống nhất thông qua 09 nghị quyết kèm theo các quyết định cụ thể tương ứng với các nội dung trong nghị quyết đã được trình bày trong báo cáo quản trị năm 2020 công bố thông tin theo qui định
- Trong quản lý các hợp đồng xây lắp: HĐQT luôn chỉ đạo Ban giám đốc bám sát các điều khoản cam kết giữa nhà thầu với chủ đầu tư, cùng xem xét thực tế để đưa ra giải pháp thi công tối ưu đồng thời kiểm soát chặt chẽ biện pháp, khối lượng trong thi công và các pháp lý cần thiết trong quá trình thực hiện hợp đồng đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro và thu hồi vốn kịp thời

- Trong quản lý nội bộ: Trên cơ sở các chỉ tiêu chung toàn Công ty đã được HĐQT phê duyệt, trên nguyên tắc nhằm đảm bảo mục tiêu lợi nhuận và tuân thủ các qui định của Nhà nước, qui chế Công ty.
- Về quản lý các khoản đầu tư: Trong năm 2020 Công ty thực hiện việc đầu tư vào dự án TĐ Bắc Nà 1 thuộc Công ty CP điện Bắc Nà

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc Công ty luôn bám sát nghị các mục tiêu SXKD đã đề ra, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, luôn cân đối sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, chặt chẽ trong quản lý nội bộ, tuân thủ các qui chế nội bộ và các qui định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính năm 2021 trên nguyên tắc thận trọng, khả thi để trình Đại hội cổ đông thông qua.
- Duy trì thường xuyên chế độ làm việc theo qui chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở bám sát nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát quá trình tổ chức SXKD và đầu tư để có những chỉ đạo kịp thời trong từng giai đoạn và chỉ đạo tổ chức tiếp cận, đấu thầu và tìm kiếm công việc gói đầu nhằm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2021 đề ra.
- Duy trì hệ thống cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác thanh kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch	1962	Kỹ sư XD ngầm	0,097%
2	Đỗ Tô Hiệu	Thành viên	1978	Cử nhân	
3	Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	1973	Tiến sỹ	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có tiểu ban thuộc HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT năm 2020:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Đặng Quang Đạt	CT HĐQT	Đầy đủ	100	
2	Đỗ Tô Hiệu	TV HĐQT	Đầy đủ	100	
3	Nguyễn Văn Sơn	TV HĐQT	Đầy đủ	100	

- Các nghị quyết được thông qua của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	30/NQ-HĐQT	03/02/2020	Vv UQ CTHĐQT ký kết cơ cấu các hạng mục chi phí dự án thủy điện Bắc Nà 1
2	23/NQ-ĐH	21/03/2020	Vv Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	32/NQ-HĐQT	27/04/2020	Vv Thông qua chọn đơn vị kiểm toán AAC làm báo cáo tài chính năm 2020
4	34/NQ-HĐQT	28/04/2020	Vv Phương án khoán tiền lương công nhân vận hành 02 nhà máy, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án TĐ Bắc Nà 1
5	36/NQ-HĐQT	29/04/2020	Vv Thông qua việc tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
6	31/NQ-ĐH	27/06/2020	Vv Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 – Miễn nhiệm HĐQT, BKS và Bầu bổ sung HĐQT, BKS
7	38/NQ-HĐQT	10/07/2020	Vv Thông qua việc chào mua công khai CP EBA của Cty TNHHSX và TM Minh Ngọc
8	92/NQ-HĐQT	23/11/2020	Vv Thông qua việc phê duyệt dự toán và bản vẽ sạt trượt sau lũ TĐ Bắc Nà.
9	94/NQ-HĐQT	25/11/2020	Vv Thông qua việc chào mua công khai CP EBA của Công ty TNHHSX và TM Minh Ngọc

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 02 thành viên HĐQT không tham gia điều hành thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp với chuyên môn và qui chế hoạt động của HĐQT, bên cạnh đó thành viên này thực hiện chức năng vai trò độc lập đại diện cho quyền và lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện ý kiến trong các cuộc họp HĐQT

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Chứng chỉ đào tạo	Năm cấp chứng chỉ
1	Đặng Quang Đạt	Thành viên	1962		2006

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Vũ Sơn Thủy	Trưởng ban	1977	Cử nhân TC-KT	0,14%
2	Nguyễn Đình Phương	Thành viên	1962	Kỹ sư thủy lợi	0,06%

3	Đông Bảo Ngọc	Thành viên	1992	Cử nhân kinh tế	
---	---------------	------------	------	-----------------	--

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp, ngay đầu năm 2020 Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch làm việc trong năm và phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn của từng thành viên để phối hợp kiểm tra, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong các quyết định đầu tư, quản lý, điều hành SXKD đảm bảo minh bạch, khách quan, tuân thủ các qui định của pháp luật và qui định của công ty; định kỳ thăm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty,... Trong năm qua, do các thành viên Ban kiểm soát đa phần đều kiêm nhiệm nên công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa được thường xuyên dẫn đến công tác trao đổi thông tin, phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát Công ty với các cổ đông chưa tốt. Tuy nhiên trên cơ sở các tài liệu do ban lãnh đạo Công ty cung cấp theo yêu cầu và quá trình thăm định các tài liệu báo cáo, ban kiểm soát cùng thống nhất đưa ra ý kiến đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực.
- HĐQT, Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 để điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả, có lãi, đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông như dự kiến
- Các khoản mục đầu tư của Công ty tại dự án thủy điện Bắc Nà 1 đã đi vào hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả
- Báo cáo tài chính năm 2020 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính được Công ty lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.
- Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; sổ sách kế toán được lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản đầy đủ, kịp thời và theo đúng quy định về bầu biểu của chế độ kế toán hiện hành.
- Công tác báo cáo, công bố thông tin tài chính định kỳ được thực hiện theo đúng quy định
- Tính đến 31/12/2020 các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2020 tiếp tục được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020
- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu hiệu quả tại 31/12/2020 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, vòng quay vốn hợp lý, hiệu quả hoạt động khá tốt
- Báo cáo của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 09 Nghị quyết phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các nghị quyết Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, được các thành viên nhất trí cao, đồng thời được Ban điều hành tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và có hiệu quả.
- Hội đồng quản trị đã bám sát và tích cực chỉ đạo Ban GD điều hành để triển khai thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đều tổ chức họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đề ra kế hoạch cho quý tiếp theo.

3. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT kiêm ĐH	415.434.182	132.000.000	547.434.182
2	Nguyễn Ngọc Bình	TV HĐQT (Cũ)		60.000.000	60.000.000
3	Đỗ Tô Hiệu	TV HĐQT (Mới)		60.000.000	60.000.000
4	Nguyễn Văn Sơn	TV HĐQT		36.000.000	36.000.000
5	Nguyễn Đình Nghĩa	Thư ký HĐQT kiêm Kế toán trưởng	367.544.909	36.000.000	403.544.909
6	Vũ Sơn Thủy	Trưởng ban KS		72.000.000	72.000.000
7	Nguyễn Đình Phương	Ban kiểm soát		48.000.000	48.000.000
8	Ninh Thị Luân	Ban kiểm soát (Cũ)		24.000.000	24.000.000
9	Đồng Bảo Ngọc	Ban kiểm soát (Mới)		24.000.000	24.000.000
10	Lê Văn Khánh	Tổng Giám đốc	499.345.031		499.345.031
	Tổng cộng		1.282.324.122	492.000.000	1.774.324.122

Trên đây là thu nhập tiền lương, tiền thù lao thuộc trách nhiệm của Công ty chi trả, đã bao gồm phần thu nhập tham gia điều hành

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty TNHH Sản xuất và TM Minh Ngọc	Cổ đông lớn			5.084.695	32,8%	Tăng tỷ lệ sở hữu CP
2	Công ty CP quản lý và khai thác TS Thiên Nam	Cổ đông lớn	4.013.038	25,89%	2.006.519	12,95%	Giảm tỷ lệ sở hữu CP
3	Đặng Quang Đạt	CT HĐQT	30.000	0,194%	15.000	0,097%	Giảm tỷ lệ sở hữu CP
4	Nguyễn Ngọc Bình	TVHĐQT	759.500	4,9%	379.750	2,45%	Giảm tỷ lệ sở hữu CP
5	Vũ Sơn Thủy	TB Kiểm Soát	22.000	0,142%	11.000	0,071%	Giảm tỷ lệ sở hữu CP
6	Nguyễn Đình Phương	TV Ban Kiểm Soát	10.000	0,065%	5.000	0,032%	Giảm tỷ lệ sở hữu CP
7	Lê Văn Khánh	Tổng Giám Đốc	55.000	0,355%	27.500	0,177%	Giảm tỷ lệ sở hữu CP

8	Nguyễn Nhất Nam	Con TVBKS	5.000	0,03%			Giảm tỷ lệ sở hữu CP
9	Nguyễn Thị Năm	Vợ TVBKS	5.000	0,03%			Giảm tỷ lệ sở hữu CP
10	Nguyễn Thị Hương	Vợ CT HĐQT	10.000	0,06%			Giảm tỷ lệ sở hữu CP
11	Đặng Minh Huệ	Con CTHĐQT	10.000	0,06%			Giảm tỷ lệ sở hữu CP
12	Phạm Thị Hằng	Vợ TGD	10.000	0,06%			Giảm tỷ lệ sở hữu CP
13	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Vợ TBKS	1.000	0,01%			Giảm tỷ lệ sở hữu CP
14	Võ Thị Loan	Cổ đông lớn	939.472	6,06%			Giảm tỷ lệ sở hữu CP

- c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không phát sinh hợp đồng giao dịch
- d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế chưa được điều chỉnh kịp thời với các văn bản pháp luật Nhà nước hiện hành. Đơn vị sẽ hoàn thành việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý Công ty phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty nhằm vận hành có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành SXKD

VI. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020

1. Ý kiến kiểm toán : Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1 Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.167.982.187	25.193.113.506
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		122.608.828	138.797.158
1. Tiền	111	5	122.608.828	138.797.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.500.000.000	17.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	9.500.000.000	17.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.478.373.359	6.311.117.136
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	7.880.901.840	5.750.790.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	545.810.900	167.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	51.660.619	393.326.511
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		67.000.000	1.243.199.212
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	67.000.000	85.220.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.157.978.945
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		437.485.023.966	449.549.064.959
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		423.313.210.120	368.249.202.327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	423.313.210.120	368.249.202.327
- Nguyên giá	222	11	499.978.199.972	423.687.005.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	11	(76.664.989.852)	(55.437.803.186)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	68.881.497.349
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	68.881.497.349
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.171.813.846	12.418.365.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	14.171.813.846	12.418.365.283
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		455.653.006.153	474.742.178.465

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		267.826.908.338	305.971.546.838
I. Nợ ngắn hạn	310		48.616.798.360	64.460.436.860
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	12.636.364	3.475.959.177
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	979.902.416	257.881.737
3. Phải trả người lao động	314		867.714.578	518.009.435
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.096.391.558	1.113.792.353
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	680.153.444	234.794.158
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	42.545.000.000	57.315.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.435.000.000	1.545.000.000
II. Nợ dài hạn	330		219.210.109.978	241.511.109.978
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	219.210.109.978	241.511.109.978
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.826.097.815	168.770.631.627
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	187.826.097.815	168.770.631.627
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	155.000.000.000	155.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.000.000.000	155.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.266.117.962	4.266.117.962
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	28.559.979.853	9.504.513.665
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.504.513.665	3.858.756.382
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.055.466.188	5.645.757.283
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		455.653.006.153	474.742.178.465

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	84.139.948.101	61.958.260.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		84.139.948.101	61.958.260.812
4. Giá vốn hàng bán	11	20	36.589.453.268	28.861.005.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>47.550.494.833</u>	<u>33.097.255.092</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.057.339.546	1.740.890.465
7. Chi phí tài chính	22	22	26.536.169.951	24.377.303.547
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>26.536.169.951</i>	<i>24.377.303.547</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	2.593.358.131	2.528.920.266
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>19.478.306.297</u>	<u>7.931.921.744</u>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	24	422.840.109	2.286.164.461
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(422.840.109)</u>	<u>(2.286.164.461)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>19.055.466.188</u>	<u>5.645.757.283</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>19.055.466.188</u>	<u>5.645.757.283</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.229	364
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	1.229	364

2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	✓ 01		19.055.466.188	5.645.757.283
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	✓ 02	✓ 11	21.227.186.666	18.422.908.236
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	✓ 05	✓ 21	(1.057.339.546)	(1.740.890.465)
- Chi phí lãi vay	✓ 06	✓ 22	26.536.169.951	24.377.303.547
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	✓ 08		65.761.483.259	46.705.078.601
- Tăng, giảm các khoản phải thu	✓ 09		(1.180.470.429)	1.773.783.024
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	✓ 11		(1.946.237.705)	(3.676.680.731)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	✓ 12		(1.735.228.296)	144.238.305
- Tiền lãi vay đã trả	14	15,22	(25.553.570.746)	(23.738.678.882)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(110.000.000) [✓]	(160.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	✓ 20		35.235.976.083	21.047.740.317
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	✓ 21		(7.409.697.110) [✓]	(47.025.165.498)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	✓ 23		-	(17.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	✓ 24	✓ 6	8.000.000.000	17.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	✓ 27	✓ 9,21	1.228.532.697	1.739.437.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	✓ 30		1.818.835.587	(45.485.727.910)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	✓ 31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	✓ 33	✓ 17	93.554.000.000	144.816.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	✓ 34	✓ 17	(130.625.000.000)	(102.200.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	✓ 36		-	(18.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	✓ 40		(37.071.000.000)	24.016.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	✓ 50		(16.188.330)	(421.987.593)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	✓ 60		138.797.158	560.784.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	✓ 61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	✓ 70		122.608.828	138.797.158

Thuyết minh báo cáo tài chính Công ty xem tại báo cáo kiểm toán đã công bố

